ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 96 /BC-UBND	*Bình Định, ngày 19 tháng 06 năm 2024*

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định 6 tháng đầu năm 2024

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ theo quy định của Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Định báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá về công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

Ngay từ đầu năm 2024, với tinh thần quyết liệt đổi mới, sáng tạo và quán triệt phương châm chỉ đạo, điều hành của Chính phủ *"Kỷ cương trách nhiệm, chủ động kịp thời, tăng tốc sáng tạo, hiệu quả bền vững"*, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội theo hướng đổi mới về tư duy, nhận thức, cách hiểu, cách làm của cả hệ thống chính quyền theo tinh thần *"làm gương, kỷ cương, trọng tâm, bứt phá"* gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính, giải quyết các nút thắt, điểm nghẽn, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp phát triển kinh tế.

Trong 6 tháng đầu năm, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành và chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính trên từng lĩnh vực, trọng tâm là xây dựng và hoàn thiện thể chế, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số. Ngày 22/01/2024, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-UBND về triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; ban hành Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024[1]. Tại Hội nghị đánh giá tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024, Chủ tịch UBND tỉnh đánh giá tinh thần quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, vượt lên khó khăn, thách thức, cùng với sự nỗ lực, cố gắng của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục tăng trưởng và phát triển khá[2]; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường tính chủ động, phối hợp trong xử lý công việc với tinh thần *"chỉ bàn làm, không bàn lùi"*; không được đùn đẩy, lòng vòng, né tránh trách nhiệm, làm ảnh hưởng đến tiến độ xử lý công việc, *"việc có lợi cho người dân, cho tỉnh và phù hợp quy định pháp luật phải*

[1] Quyết định số 4647/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh.

[2] Thông báo số 234/TB-UBND ngày 12/6/2024 về kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Phạm Anh Tuấn tại Hội nghị đánh giá tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024.

ưu tiên, cố gắng thực hiện". Trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm phục vụ sự phát triển chung của ngành, địa phương[3].

Tập trung các giải pháp cụ thể, thiết thực, tạo sự đột phá để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, UBND tỉnh đã phê duyệt Quyết định ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh năm 2024[4], xác định 30 nhiệm vụ trọng tâm với các chỉ tiêu phấn đấu trên 06 lĩnh vực của công tác cải cách hành chính. Để có sự nhất quán trong phương thức chỉ đạo *"Một việc - Một đầu mối xuyên suốt",* góp phần nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo UBND tỉnh, ngày 22/4/2024, UBND tỉnh đã hợp nhất các Ban chỉ đạo của tỉnh[5] thành Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh[6], qua đó giúp gắn kết, liên thông, bao quát toàn bộ nội dung nhiệm vụ và góp phần giảm tải công việc, cắt giảm thời gian tham gia hội họp của Lãnh đạo UBND tỉnh, Lãnh đạo các cơ quan có liên quan. Ban Chỉ đạo gồm có 04 cơ quan thường trực phụ trách thực hiện các nhiệm vụ: điều phối hoạt động chung của Ban Chỉ đạo (Văn phòng UBND tỉnh), Cải cách hành chính (Sở Nội vụ), Chuyển đổi số (Sở Thông tin và Truyền thông), Đề án 06 (Công an tỉnh). Theo đó, Trưởng ban Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo[7] và làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, đề cao trách nhiệm cá nhân của các thành viên Ban Chỉ đạo; bảo đảm yêu cầu phối hợp chặt chẽ, thống nhất trong chỉ đạo, điều hành và trao đổi thông tin, giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan thành viên.

Ngày 29/5/2024, Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh tổ chức họp phiên thứ nhất ngay sau khi Bộ Nội vụ công bố kết quả các chỉ số cải cách hành chính của tỉnh năm 2023: PAR INDEX (đạt 87.29%, xếp vị thứ 31/63 tỉnh, thành phố, tăng 02 bậc so với năm 2022), SIPAS (đạt 83.73%, xếp vị thứ 20/63 tỉnh, thành phố, tăng 01 bậc so với năm 2022), PAPI (đạt 43.57 điểm, xếp vị thứ 19/61 tỉnh, thành phố tăng 19 bậc so với năm 2022), PCI (đạt 67.44 điểm, xếp vị thứ 25/63 tỉnh, thành phố, giảm 04 bậc so với năm 2022). Tại phiên họp, các cơ quan phụ trách theo dõi các chỉ số nêu trên đã báo cáo đánh giá kết quả các chỉ số và đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện kết quả trong năm 2024. Ban Chỉ đạo cũng đã giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan chức năng liên quan hoàn thiện Kế hoạch cải thiện, nâng cao kết quả các Chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI, PCI của tỉnh trong năm 2024. Trong đó, nội dung Kế hoạch phải đáp ứng các yêu cầu: (i) cải cách hành chính vì mục tiêu phát triển bền vững, không chạy theo thành tích; (ii) khắc phục hiệu quả, thực chất từng vấn đề còn tồn tại, hạn chế được người dân, doanh nghiệp đánh giá; (iii) gắn với trách

---

[3] Thông báo số 189/TB-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh về kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Phạm Anh Tuấn tại Hội nghị đánh giá tình hình kinh tế - xã hội tháng 4 và nhiệm vụ trọng tâm tháng 5 năm 2024.

[4] Quyết định số 4935/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh.

[5] Ban chỉ đạo cải cách hành chính, Ban chỉ đạo chuyển đổi số, Ban chỉ đạo thực hiện Đề án 06.

[6] Quyết định số 1397/QĐ-UBND ngày 22/4/2023 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh tỉnh Bình Định.

[7] Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của Trưởng ban Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06.

nhiệm cụ thể của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; (iv) có cơ chế theo dõi, quản lý, tổng hợp thông tin để báo cáo Ban Chỉ đạo về tình hình, kết quả thực hiện định kỳ hằng tháng, hằng quý. Sau khi UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải thiện, nâng cao kết quả các Chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI, PCI của tỉnh trong năm 2024, Ban Chỉ đạo sẽ tổ chức Hội nghị toàn tỉnh để quán triệt công tác triển khai thực hiện Kế hoạch cải thiện, nâng cao kết quả các Chỉ số liên quan đến công tác cải cách hành chính.

2. Triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính

Năm 2024, UBND tỉnh xác định 30 nhiệm vụ trọng tâm trên 06 lĩnh vực của nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh[8]. Đến ngày 14/6/2024, đã hoàn thành **13/30 nhiệm vụ** đề ra, các quyết định, kế hoạch của UBND tỉnh ban hành làm cơ sở triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính theo tiến độ đảm bảo mục tiêu chung đề ra *(chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành **30 văn bản** chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ hành chính, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo các Nghị quyết của Chính phủ.

3. Về công tác kiểm tra cải cách hành chính

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính tỉnh[9] nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính; nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện công tác CCHC, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương. Theo đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra các nội dung theo yêu cầu: kiểm tra toàn diện công tác CCHC, kiểm tra chuyên đề công tác giải quyết thủ tục hành chính, kiểm tra đột xuất. Đồng thời, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra công vụ trên địa bàn tỉnh năm 2024[10], đến nay, Ban chỉ đạo kiểm tra hoạt động công vụ, Tổ công tác về kiểm tra công vụ đã kiểm tra hoạt động công vụ đối với 29 lượt/24 địa phương; qua kiểm tra, hầu hết các địa phương chấp hành tốt các nội dung được kiểm tra: UBND cấp xã tổ chức tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính kịp thời cho người dân; cán bộ, công chức chấp hành đúng quy chế làm việc và văn hóa công vụ.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Công tác tuyên truyền các nội dung liên quan đến cải cách hành chính được thực hiện thường xuyên tại các cơ quan, đơn vị, địa phương và trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm tuyên truyền chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước và các chương trình, kế hoạch, văn bản của Trung ương, của tỉnh về cải cách hành chính; nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu. Từ nội dung Kế hoạch truyền thông cải cách hành chính của tỉnh[11], các cơ quan, đơn vị, địa phương xây

---

[8] Kế hoạch số 4935/KH-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh.

[9] Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 04/4/2024 của UBND tỉnh

[10] Quyết định số 4700/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh.

[11] Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 của UBND tỉnh.

dựng Kế hoạch cụ thể hóa các nhiệm vụ tuyên truyền về cải cách hành chính của đơn vị đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở.

Tỉnh tiếp tục duy trì các hình thức truyền thông về công tác cải cách hành chính tại chuyên trang, chuyên mục của các cơ quan truyền thông của tỉnh và trên các nền tảng chuyển đổi số, tuyên truyền các cơ quan truyền thông, các ứng dụng nền tảng số tuyên truyền về kết quả đánh giá Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số đo lường sự hài lòng của tổ chức, công dân (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành, địa phương của tỉnh (DDCI), triển khai nhiệm vụ công tác cải cách hành chính năm 2024 và các nội dung liên quan đến cải cách hành chính của tỉnh. Báo Bình Định tiếp tục duy trì, phát triển chuyên mục Cải cách hành chính trên Trang Xây dựng Đảng - chính quyền (số thứ 2 hằng tuần), thực hiện các bài viết liên quan đến công tác chuyển đổi số trên trang Khoa học công nghệ (số thứ 5 hằng tuần); đã có khoảng 50 tin, bài liên quan đến công tác cải cách hành chính của tỉnh. Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định phát sóng định kỳ mỗi phóng sự hằng tuần chuyên mục Cải cách hành chính trên đài truyền hình BTV của tỉnh về các mô hình hiệu quả đang thực hiện tại các cơ quan, địa phương như: Mô hình Thứ ba "Ngày không viết" – Thứ năm "Ngày không hẹn" thực hiện tại UBND phường Trần Hưng Đạo (TP Quy Nhơn)…

5. Kết quả thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

Đến nay, tỉnh đã hoàn thành và thực hiện đúng thời hạn đối với **23/84 nhiệm vụ**; UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan có liên quan tham mưu triển khai thực hiện theo quy định đối với 61 nhiệm vụ trong hạn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL): Trong 6 tháng đầu năm 2024, HĐND, UBND các cấp ban hành 36 VBQPPL; trong đó, UBND tỉnh ban hành 29 Quyết định; HĐND, UBND cấp huyện ban hành 07 văn bản (01 Nghị quyết và 06 Quyết định).

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật (TTHPL): UBND tỉnh ban hành Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024. Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Công văn số 446/UBND-NC ngày 17/01/2024 triển khai thực hiện Thông báo Kết luận số 5970/TB-ĐKT của Đoàn công tác liên ngành, chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế theo kiến nghị của Đoàn kiểm tra liên ngành Trung ương về công tác theo dõi THTHPL và cắt giảm chi phí tuân thủ pháp luật năm 2023. UBND tỉnh ban hành các báo cáo về: kết quả kiểm tra, khảo sát THTHPL năm 2023[12], xử lý kết quả theo dõi THTHPL năm 2023, Danh mục văn bản quy phạm pháp luật phục vụ công tác theo dõi THTHPL trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trên địa bàn tỉnh năm 2024.

[12] Báo cáo số 19/BC-UBND ngày 23/02/2024 về kết quả kiểm tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật về lao động, việc làm trên địa bàn tỉnh Bình Định và Báo cáo số 12/BC-UBND ngày 06/02/2024 về Kết quả kiểm tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật về quản lý, điều hành giá các mặt hàng, dịch vụ thiết yếu trên địa bàn tỉnh Bình Định

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật* (PBGDPL)*: UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản để triển khai thực hiện công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh, cụ thể: Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 ban hành Kế hoạch PBGDPL; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024; Công văn số 897/UBND-NC ngày 02/02/2024 triển khai một số nhiệm vụ PBGDPL dịp Tết Giáp Thìn năm 2024; Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 20/02/2024 về kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023; Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 29/02/2024 thực hiện Đề án "Tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về nội dung của Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn" năm 2024; Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 kiện toàn và công nhận Báo cáo viên pháp luật tỉnh Bình Định; Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 miễn nhiệm Báo cáo viên pháp luật tỉnh Bình Định; Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 08/3/2024 phổ biến các văn bản luật được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 6 và Kỳ họp bất thường lần thứ 5; Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 20/3/2024 về thực hiện Đề án "Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027" năm 2024; Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 13/5/2024 về thực hiện Đề án "Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân" năm 2024…

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa VBQPPL:

+ Công tác tự kiểm tra: thực hiện tự kiểm tra 29 văn bản (29 Quyết định của UBND tỉnh). Kết quả, các văn bản do UBND tỉnh ban hành đều đảm bảo về nội dung, hình thức và thẩm quyền ban hành.

+ Công tác kiểm tra theo thẩm quyền: đã thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền 07/07 VBQPPL do HĐND, UBND cấp huyện ban hành. Qua kiểm tra, chưa phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật về nội dung và thẩm quyền.

+ Công tác rà soát VBQPPL: Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 công bố Danh mục 44 văn bản hết hiệu lực toàn bộ và 51 văn bản hết hiệu lực một phần năm 2023. Ngoài ra, thực hiện Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL năm 2024, các sở, ngành thuộc tỉnh đã rà soát, trình UBND tỉnh ban hành các văn bản để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ 39 quyết định của UBND tỉnh. UBND cấp huyện cũng đã kịp thời tổ chức rà soát các văn bản do HĐND, UBND cùng cấp ban hành. Trên cơ sở đó, Chủ tịch UBND cấp huyện đã ban hành quyết định công bố Danh mục văn bản QPPL của HĐND, UBND hết hiệu lực toàn bộ và hết hiệu lực một phần theo quy định.

+ Công tác hệ thống hóa văn bản kỳ 2019 - 2023: Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 công bố kết quả hệ thống hóa VBQPPL của HĐND, UBND tỉnh trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023; Báo cáo số 29/BC-UBND ngày 08/3/2024 về kết quả hệ thống hóa VBQPPL của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá TTHC:

+ Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch[13] rà soát, đánh giá 29 TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của 15 cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh năm 2024. Đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 04 Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa 09 TTHC của các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tư pháp, Y tế với số tiền tiết kiệm được sau khi đơn giản hóa ước tính hơn 1 tỷ đồng/năm.

+ Để triển khai thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 20/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa TTHC tại các bộ, ngành, địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành văn bản[14] chỉ đạo việc triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh; tham gia góp ý danh mục TTHC nội bộ[15] theo đề nghị của Văn phòng Chính phủ, trong đó đề xuất Văn phòng Chính phủ nghiên cứu bổ sung 06 TTHC nội bộ.

+ UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 3481/UBND-KSTT ngày 13/5/2024 đề xuất một số giải pháp hoàn thiện thủ tục và đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư kinh doanh theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 3117/BKHĐT-PC ngày 24/4/2024. Theo đó, đã đề xuất Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục đầu tư dự án ngoài Khu kinh tế, Khu công nghiệp từ 242 ngày theo quy định xuống còn 118 ngày, các dự án trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp từ 145 ngày theo quy định xuống còn 60 ngày[16] và kiến nghị một số giải pháp để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Bên cạnh đó, thực hiện công khai số điện thoại đường dây nóng để ghi nhận những nội dung do cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh, kiến nghị trong công tác thực hiện thủ tục đầu tư để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kịp thời nắm bắt thông tin và xem xét, xử lý trong thời gian sớm nhất.

+ Thực hiện Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC, Công văn số 987/BTP-HTQTCT ngày 29/ 02/2024 của Bộ Tư pháp về việc triển khai thực thi phương án giải quyết TTHC lĩnh vực Hộ tịch, đến nay, đã có 04 địa phương cấp huyện ban hành Quyết định ủy quyền cho Phòng Tư pháp cấp huyện giải quyết một số TTHC thuộc lĩnh vực Hộ tịch[17].

- Trong 6 tháng đầu năm 2024, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 69 Quyết định công bố Danh mục với 504 TTHC (ban hành mới 86 TTHC, sửa đổi, bổ sung 339 TTHC, thay thế 03 TTHC, bãi bỏ 76 TTHC); đã thực hiện việc tích hợp dữ liệu và nhập sửa đổi, bổ sung thông tin các TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo quy định. Đồng thời, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 80 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết 59 TTHC liên thông và 107 TTHC không liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ban, ngành.

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

---

[13] Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

[14] Công văn số 3949/UBND-KSTT ngày 27/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

[15] Công văn số 4464/UBND-KSTT ngày 13/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

[16] Theo Quy chế phối hợp giải quyết các TTHC về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và phòng cháy chữa cháy trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 4147/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của UBND tỉnh.

[17] Thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn, huyện Vân Canh và huyện Phù Cát.

+ Cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh tiếp tục được hoàn thiện và triển khai đồng bộ ở các cấp chính quyền. Mô hình hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở cấp huyện và cấp xã được đổi mới theo hướng chuyển giao doanh nghiệp bưu chính công ích đảm nhận nhiệm vụ "hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC"[18]. Theo đó, kể từ ngày 05/9/2023, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã chuyển giao nhiệm vụ "hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC" cho Bưu điện tỉnh thực hiện với việc bố trí 14 nhân viên Bưu điện thay cho 24 công chức, viên chức các sở, ban cử đến. Đối với cấp huyện, đã có 05/11 địa phương hoàn thành việc chuyển giao, thay 100% CCVC bằng nhân viên Bưu điện: Quy Nhơn (Bộ phận Một cửa thành phố Quy Nhơn hiện đã được chuyển về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh), An Nhơn, Vân Canh, Hoài Ân, Tuy Phước; 02/11 địa phương đã thực hiện xong thủ tục nhưng chỉ chuyển giao một phần (02 nhân viên BCCI và giữ lại 02 công chức): Phù Mỹ, Hoài Nhơn; 04/11 địa phương chưa hoàn thành xong thủ tục chuyển giao: Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, Phù Cát, An Lão.

Ngoài ra, từ ngày 01/4/2024, Bộ phận Một cửa thành phố Quy Nhơn và Bảo hiểm xã hội tỉnh đã được chuyển về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả nhằm nâng cao chất lượng phục vụ tổ chức, người dân và doanh nghiệp.

+ UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt, chấn chỉnh việc giải quyết hồ sơ TTHC trễ hẹn tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; định kỳ hằng tháng/quý/năm công khai danh sách tổ chức, cá nhân giải quyết chậm/trễ hồ sơ và báo cáo tại các cuộc họp về kinh tế - xã hội định kỳ tháng/quý/năm; thực hiện kết nối "Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh" với 24 cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của địa phương hoặc do Trung ương quản lý, vận hành để nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện mô hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC phi địa giới hành chính, Kế hoạch triển khai mô hình "Hành chính phục vụ người dân" trên địa bàn tỉnh Bình Định nhằm đổi mới phương thức hoạt động của các cơ quan nhà nước theo hướng chủ động tìm hiểu, nắm bắt thông tin về nhu cầu của người dân để hỗ trợ, phục vụ người dân thực hiện TTHC. Đến nay, đã có 08/11 địa phương[19] xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện mô hình này, bước đầu được người dân đồng tình, ủng hộ và đánh giá cao.

+ Để tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 17/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh xử lý kết quả thanh tra trách nhiệm về thực hiện công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong việc giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ hành chính công cho cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành văn bản[20] yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương

---

[18] Quyết định số 4294/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh ban hành Đề án "Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh".

[19] Thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, huyện An Lão, thị xã Hoài Nhơn, huyện Tuy Phước, huyện Vĩnh Thạnh, huyện Tây Sơn, huyện Phù Cát.

[20] Công văn số 3737/UBND-KSTT ngày 20/5/2024.

khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực thi công vụ, giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Đến nay, đã có 5/8 đơn vị có Báo cáo khắc phục (Sở Y tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND thành phố Quy Nhơn)[21].

- Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: từ ngày 15/12/2023 đến hết ngày 12/6/2024, toàn tỉnh tiếp nhận 256.067 hồ sơ; trong đó, đã giải quyết và trả kết quả 243.339 hồ sơ (225.390 hồ sơ trước hạn, 17.598 hồ sơ đúng hạn, 351 hồ sơ trễ hạn), đang giải quyết trong hạn 12.728 hồ sơ. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trước và đúng hạn đạt 99,85%.

- Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch và văn bản triển khai công tác số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC. Việc triển khai công tác số hóa hồ sơ TTHC tại các sở, ngành, địa phương đã có nhiều chuyển biến tích cực. Kết quả thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

+ Tỷ lệ số hoá thành phần hồ sơ bình quân chung cả tỉnh đạt 98,7% (cấp tỉnh đạt 99,79%, cấp huyện đạt 99,7%, cấp xã đạt 99,7%), vượt chỉ tiêu Trung ương và UBND tỉnh quy định (Chính phủ giao 80%, UBND tỉnh giao thấp nhất 90%).

+ Tỷ lệ cấp kết quả điện tử bình quân chung cả tỉnh đạt 96% (cấp tỉnh đạt 93,9%, cấp huyện đạt 94,3%, cấp xã đạt 97,8%), chưa đạt chỉ tiêu do Chính phủ giao (100%).

+ Tỷ lệ tái sử dụng kết quả số hóa bình quân chung cả tỉnh đạt 26,2% (cấp tỉnh đạt 5,3%, cấp huyện 28,6%, cấp xã đạt 39,4%), chưa đạt Chỉ tiêu do Trung ương và UBND tỉnh quy định (Chính phủ giao 50%, UBND tỉnh giao thấp nhất 60%).

+ Tính đến ngày 24/4/2024, 100% UBND cấp xã đã hoàn thành số hóa dữ liệu hộ tịch đảm bảo đúng tiến độ theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: đã tiếp nhận 82 phản ánh, kiến nghị gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, qua đó xử lý, chuyển cơ quan chức năng trả lời và công khai theo đúng quy định (trong đó, có 78 phản ánh, kiến nghị đã xử lý và 04 phản ánh, kiến nghị đang trong hạn xử lý).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại cơ quan, địa phương: đến nay, có 20 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh[22], 02 cơ quan là tổ chức hành chính nhà nước khác[23]. Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh là 720 đơn vị, giảm 153 đơn vị so với năm 2015, tỷ lệ giảm 17,53% đạt mục tiêu đề ra theo Nghị quyết số 19-NQ/TW. Toàn tỉnh có 11 đơn vị hành chính cấp huyện[24] với 135 phòng chuyên môn, trong

---

[21] 03 đơn vị chưa có báo cáo gồm: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tây Sơn.

[22] Có 112 phòng chuyên môn và 14 Chi cục và tương đương.

[23] Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh (gồm có 10 phòng).

[24] 01 thành phố, 02 thị xã và 08 huyện.

đó 03 huyện[25] có thêm Phòng Dân tộc là cơ quan đặc thù. Việc tổ chức số lượng các sở, ngành thuộc tỉnh và các phòng thuộc UBND cấp huyện thực hiện theo đúng chủ trương, quy định của Chính phủ, đáp ứng yêu cầu đổi mới tổ chức và hoạt động của UBND các cấp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Triển khai thực hiện Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Bình Định, UBND tỉnh đã hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 – 2025 trên địa bàn tỉnh tại Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 30/5/2024; đồng thời, đã trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ một lần đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ công tác do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 – 2025.

- Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức: UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ thông báo biên chế năm 2024 cho các sở, ban, ngành, địa phương theo quy định; ban hành văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết số 100/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về kết quả giám sát chuyên đề về tình hình hình, kết quả thực hiện chính sách pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức, đề án vị trí việc làm và chính sách tinh giản biên chế các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh từ năm 2021 – 2022**.**

- Thực hiện chính sách tinh giản biên chế: trong 6 tháng đầu năm 2024, UBND tỉnh đã phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt I năm 2024 đối với 29 cán bộ, công chức, viên chức với tổng kinh phí là 5.729.468.000 đồng[26].

- Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 07/9/2023 triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước gắn với triển khai thực hiện nhiệm vụ giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 của Chính phủ[27], trong đó đã xác định 40 nội dung/lĩnh vực phân cấp quản lý nhà nước đối với 16 ngành. Hiện nay, UBND tỉnh Bình Định đã thực hiện 25/43 nội dung về phân cấp, ủy quyền quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực tại tỉnh Bình Định giống với mô hình phân cấp của UBND thành phố Hà Nội[28].

4. Cải cách chế độ công vụ

- Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định ủy quyền phê duyệt Đề án vị trí việc làm, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập và vị trí việc

---

[25] Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão.

[26] Quyết định số 4602/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt I năm 2024 và Quyết định số 4785/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt I năm 2024 (bổ sung); Quyết định 983/QĐ-UBND ngày 27/03/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt I năm 2024 (bổ sung).

[27] Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

[28] Báo cáo số 12/BC-SNV ngày 23/01/2024 về việc nhân rộng mô hình phân cấp của UBND thành phố Hà Nội.

làm của cán bộ, công chức các xã, phường, thị trấn[29]; Quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của 22/22 sở, ban, 11/11 UBND cấp huyện và 720/720 đơn vị sự nghiệp công lập. Kết quả, đã phê duyệt 2.611 vị trí việc làm[30] trong các cơ quan, tổ chức hành chính và 7.441 vị trí việc làm[31] trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức tỉnh Bình Định năm 2024[32]. Đến nay, đã có 37/39 cơ quan, đơn vị, địa phương (26/28 cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; 11/11 UBND cấp huyện) đã tổ chức quán triệt, xây dựng và ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác trong năm 2024 trong phạm vi của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển): Chủ tịch UBND tỉnh đã phê duyệt, cho ý kiến tiếp nhận vào làm công chức không qua kiểm tra, sát hạch đối với **07** trường hợp (gồm 06 trường hợp để bổ nhiệm và 01 trường hợp đã từng là công chức); quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm công chức năm 2024 để thực hiện việc kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm công chức. Trong 6 tháng đầu năm 2024, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức theo kế hoạch được duyệt trong năm 2023, với tổng số số **523** viên chức.

- ***Kết quả đánh giá cán bộ năm 2023***: Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định đánh giá, xếp loại chất lượng đối với **30** tập thể và **83** cá nhân cán bộ, lãnh đạo, quản lý năm 2023[33]; Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xếp loại chất lượng năm 2023 đối với **02** tập thể và **26** viên chức quản lý[34] thuộc thẩm quyền. Theo đó, kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023 của các cơ quan, đơn vị, địa phương như sau: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 7.614 người, hoàn thành tốt nhiệm vụ: 19.867 người; hoàn thành nhiệm vụ: 514 người, không hoàn thành nhiệm vụ: 106 người.

- Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức: UBND tỉnh thực hiện bảo đảm kịp thời, đúng quy định. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định: bổ nhiệm 04 lãnh đạo, quản lý cấp Sở và tương đương[35]; bổ nhiệm lại 05 lãnh đạo, quản lý cấp Sở và tương đương[36]; đồng ý chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm

---

[29] Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh.

[30] Vị trí lãnh đạo, quản lý: 370 vị trí; vị trí nghiệp vụ chuyên ngành: 1.609 vị trí; vị trí nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 518 vị trí; vị trí công việc hỗ trợ, phục vụ: 114 vị trí.

[31] Vị trí lãnh đạo, quản lý: 1.002 vị trí; vị trí nghiệp vụ chuyên ngành: 2.465 vị trí; vị trí nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 3.148 vị trí; vị trí công việc hỗ trợ, phục vụ: 826 vị trí.

[32] Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 19/01/2024 của UBND tỉnh.

[33] Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định đánh giá, xếp loại: Tập thể: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 6/30, hoàn thành tốt nhiệm vụ: 24/30; cá nhân: Giám đốc Sở và tương đương: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 4/28 người, hoàn thành tốt nhiệm vụ: 24/28 người; Phó Giám đốc Sở và tương đương: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 12/55 người, hoàn thành tốt nhiệm vụ: 42/55 người, hoàn thành nhiệm vụ: 01/55 người.

[34] Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 3/26 người; hoàn thành tốt nhiệm vụ: 23/26 người.

[35] Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, 01 Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 01 Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, 01 Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

[36] Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, 01 Phó Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, 01 Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế, 01 Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh.

đối với 03 Phó Giám đốc Sở và tương đương[37] và bổ nhiệm lại đối với 03 Phó Giám đốc Sở[38].

- Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị: đã quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với 168/168 cán bộ, công chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính tỉnh Bình Định năm 2023 theo thẩm quyền phân cấp.

- Thực hiện chính sách, tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 09/3/2024 triển khai thực hiện Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp. Trong 6 tháng đầu năm 2024, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thực hiện chế độ, chính sách tiền lương đối với 34 cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp sở, cấp huyện (nâng bậc lương thường xuyên 16 người, nâng bậc lương trước thời hạn 06 người, nâng bậc lương trước thời hạn để nghỉ hưu 02 người, nâng mức phụ cấp thâm niên vượt khung 05 người, nâng mức phụ cấp thâm niên nghề 05 người); thông báo nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với 05 lãnh đạo Sở và tương đương[39]; đến nay đã ban hành quyết định nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với 03 người.

- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 02/02/2024 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024[40]. Đến nay, tỉnh đã tổ chức **02** lớp bồi dưỡng về công tác quản lý ngân sách nhà nước gắn với chuyển đổi số cho **105** học viên, **01** lớp bồi dưỡng về công tác quản lý nhà nước trong phát triển đô thị gắn với chuyển đổi số cho **40** học viên; đang tổ chức lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp cho **48** học viên.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, địa phương: UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra hoạt động công vụ tỉnh Bình Định, ban hành Kế hoạch kiểm tra công vụ trên địa bàn tỉnh năm 2024[41]. Đến nay, Ban Chỉ đạo kiểm tra hoạt động công vụ và Tổ công tác về kiểm tra công vụ của tỉnh đã kiểm tra hoạt động công vụ đối với 29 lượt/24 địa phương. Qua kiểm tra, người đứng đầu các cơ quan, địa phương đều có

---

[37] 01 Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 01 Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải, 01 Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế.

[38] 01 Phó Giám đốc Sở Ngoại vụ, 02 Phó Giám đốc Sở Y tế.

[39] Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, 01 Phó Trưởng ban Ban Dân tộc, 01 Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, 01 Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn, 01 Phó Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định.

[40] Cụ thể: 10 lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, 08 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu, 03 lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực thực thi công vụ, 16 bồi dưỡng cán bộ, công chức chức cấp xã và 20 lớp bồi dưỡng người hoạt động không chuyên trách xã, thôn.

[41] Quyết định số 4700/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh.

những biện pháp chỉ đạo phù hợp để quán triệt đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị thực hiện tốt việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện đạo đức công vụ, văn hóa công sở; quy định về thực hiện dân chủ ở cơ sở. Kết quả tại các cơ quan, địa phương được kiểm tra chưa phát hiện các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, có các hành vi quan liêu, hách dịch, nhũng nhiễu, gây phiền hà, thiếu trách nhiệm trong giải quyết công việc.

- Tình hình ban hành và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước ở cơ quan, địa phương: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Bình Định đến năm 2025[42], với 11 chỉ tiêu cần thu hút, tập trung trong các lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ, xây dựng, du lịch; phê duyệt nhu cầu thu hút bác sĩ, dược sĩ vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế, với 175 chỉ tiêu. Đồng thời, UBND tỉnh đã phê duyệt chính sách hỗ trợ một lần đối với 15 bác sĩ, dược sĩ và hỗ trợ thuê nhà hằng tháng đối với 49 bác sĩ, dược sĩ.

- Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức: UBND tỉnh đã ban hành Quy chế cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu cán bô, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định[43], thực hiện kịp thời việc rà soát, kê khai, bù đắp dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh và kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức do Bộ Nội vụ quản lý. Đến nay, 100% hồ sơ (32.152 cán bộ, công chức, viên chức) được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Nội vụ.

5. Về cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách *(ước thực hiện 6 tháng)*

+ Về thu ngân sách nhà nước: tổng thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn (chưa kể thu vay, huy động đóng góp, thu bổ sung từ ngân sách Trung ương) ước thực hiện 6.348.565 triệu đồng, đạt 42,3% dự toán, tăng 29,6% so cùng kỳ năm 2023. Trong đó, thu nội địa ước thực hiện 5.908.165 triệu đồng, đạt 41,4% so với dự toán năm, tăng 27,4% so với cùng kỳ. Nếu loại trừ tiền sử dụng đất, thu cổ tức lợi nhuận được chia, lợi nhuận để lại và thu xổ số kiến thiết, thu nội địa ước thực hiện 3.511.465 triệu đồng, đạt 43,9% dự toán năm, vượt 6,4% so cùng kỳ năm 2023.

Trong cơ cấu nguồn thu, có một số khoản thu tăng so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt là các khoản thu từ lĩnh vực sản xuất kinh doanh như: thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương (tăng 38,6%), thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (tăng 85,1%), thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh (tăng 11,6%), thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (tăng 31,3%), thu khác ngân sách (tăng 34,4%)... Bên cạnh một số khoản thu tăng so với cùng kỳ năm trước, vẫn có một số khoản thu ước thực hiện chưa đạt dự toán bình quân phải thu 6 tháng như: thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương (đạt 39,8%), lệ phí trước bạ (đạt 47,6%),

---

[42] Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh.

[43] Quyết định số 18/2024/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND tỉnh.

thuế bảo vệ môi trường (đạt 42%), thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước (chỉ đạt 6,1%, chủ yếu các ngôi nhà đưa ra đấu giá nhưng không có người tham gia)...

+ Về chi ngân sách địa phương: tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện 8.996.900 triệu đồng, đạt 43,3% dự toán năm và vượt 7% so cùng kỳ. Trong đó, chi ngân sách tỉnh 4.934.690 triệu đồng, đạt 42,4% dự toán năm và ngân sách huyện, thị xã, thành phố (kể cả ngân sách xã, phường, thị trấn) 4.062.210 triệu đồng, đạt 44,4% dự toán năm.

+ Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công: kế hoạch vốn năm 2024 (tính đến ngày 12/6/2024): 13.539.254 triệu đồng và đã thanh toán 4.241.551 triệu đồng, đạt 31,3% so với kế hoạch.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 ủy quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 về số lượng xe ô tô bán tải và xe ô tô từ 12 đến 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung. Tiếp tục thực hiện cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu Phần mềm Quản lý tài sản công và báo cáo Bộ Tài chính về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập: triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2022 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo; giáo dục nghề nghiệp; y tế - dân số; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông; khoa học và công nghệ; các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác trên địa bàn tỉnh Bình Định. Tính đến thời điểm báo cáo, có tổng cộng 135/135 đơn vị khối tỉnh được giao quyền tự chủ về tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó: 08 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 17 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên; 79 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; 31 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành 01 Nghị quyết; 01 Chỉ thị[44], 12 Quyết định, 15 Kế hoạch làm cơ sở pháp lý triển khai nhiệm vụ xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số trên địa bàn tỉnh. Triển khai nhiệm vụ năm 2024, ngay từ đầu năm Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bình Định[45] họp đánh giá kết quả chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2023, tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị khoá XI về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh; xây dựng và triển khai Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2024[46] với 20 chỉ tiêu và 64 nhiệm vụ trọng tâm. Sở Thông tin

---

[44] Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 03/4/2023 của UBND tỉnh

[45] Tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Bình Định trên cơ sở hợp nhất 03 Ban chỉ đạo Cải cách hành chính, Ban chỉ đạo Chuyển đổi số và Ban chỉ đạo Đề án 06

[46] Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 23/02/2024 của UBND tỉnh

và Truyền thông đã có nhiều cố gắng nỗ lực, triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số hiệu quả bảo đảm theo tiến độ đề ra; hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC) theo mô hình "4 lớp" được duy trì… Qua đó, công tác chuyển đổi số, nhất là lĩnh vực chính quyền số của tỉnh đã có bước chuyển biến rõ nét.

- Kết quả xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật: cơ bản đáp ứng nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, trong đó: Hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Data Center cơ bản đảm bảo và đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin (gồm: Hệ thống văn phòng điện tử; Hệ thống thư điện tử, các trang thông tin điện tử, trục liên thông kết nối, hệ thống dịch vụ đô thị thông minh); Hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II đã kết nối đến 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh (gồm: 37 cơ quan, đơn vị là các sở, ban, ngành và 11 UBND các huyện, thị xã, thành phố; 159/159 xã, phường, thị trấn) và kết nối với Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp I do Cục Bưu điện Trung ương quản lý; Hạ tầng mạng internet cáp quang kết nối hộ gia đình đạt trên 73%, hạ tầng mạng băng rộng cáp quang đã phủ đạt 99% số thôn, làng trên địa bàn tỉnh[47] *(tăng 2% so với đầu năm)*; Hệ thống hạ tầng thông tin Dịch vụ công và một cửa điện tử tỉnh được Văn phòng UBND tỉnh thuê dịch vụ CNTT tập trung, đảm bảo tính đồng bộ, lưu trữ trên hệ thống của đơn vị cung cấp dịch vụ.

- Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) đã kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), phục vụ nhu cầu kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước. Tích hợp các hệ thống phần mềm dùng chung phục vụ chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh: Cổng thông tin điện tử; Quản lý văn bản và hồ sơ công việc; Cổng Dịch vụ công của tỉnh. Tỉnh đã xây dựng đưa vào sử dụng thử nghiệm Kho dữ liệu số dùng chung và các hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành; đã thực hiện kết nối thử nghiệm Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Bình Định với Hệ thống thông tin nguồn Trung ương đối với 101/159 Đài truyền thanh cấp xã.

- Kết quả xây dựng và phát triển dữ liệu: các hệ thống phần mềm dùng chung được triển khai, ứng dụng hiệu quả trong công tác phục vụ chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh như: Cổng thông tin điện tử; Quản lý văn bản và hồ sơ công việc; Quản lý lịch công tác; Cổng Dịch vụ công của tỉnh; Phần mềm họp không giấy. Đến nay, đạt tỷ lệ 50% cơ sở dữ liệu tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử, chính phủ điện tử được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên địa bàn tỉnh, gồm: Cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, tài chính; 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành (không bao gồm nội dung mật) được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ: Tỉnh đã xây dựng đưa vào sử dụng Cổng thông tin điện tử; Quản lý văn bản và hồ sơ công việc; Cổng Dịch vụ công và các Hệ thống thông tin: Hệ thống thông tin quản lý đất đai; Hệ thống thông tin quản lý khoáng sản; Hệ thống thông tin quản lý trường học

---

[47] Trong kỳ, đã phối hợp với Điện lực Bình Định kết nối điện lưới, xóa 01 điểm trắng sóng thông tin di động là xã Canh Giao, huyện Vân Canh; hiện tỉnh còn duy nhất làng O2, thuộc huyện Vĩnh Thạnh còn trắng sóng thông tin di động do chưa có hệ thống điện lưới để phủ sóng.

(CSDL về giáo viên, học sinh); Hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức; Hệ thống thông tin quản lý công tác đầu tư công của tỉnh; Hệ thống thông tin phòng chống thiên tai… từng bước kết nối, chia sẻ dữ liệu vào Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh. Trong đó 03 hệ thống đã hoàn thành việc vận hành thử nghiệm, nghiệm thu, đưa vào vận hành giai đoạn 2 (bao gồm: Hệ thống thông tin quản lý trường học (CSDL về giáo viên, học sinh); Hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức; Hệ thống thông tin quản lý công tác đầu tư công của tỉnh).

Một số sở ngành của tỉnh đã triển khai sử dụng nền tảng số như: Nền tảng định danh và xác thực điện tử; Hệ thống truy xuất nguồn gốc của tỉnh; Hồ sơ sức khỏe điện tử công dân (nâng cao); Khám chữa bệnh từ xa; phần mềm Quản lý tổng thể bệnh viện (HIS); phần mềm quản lý Công chứng, chứng thực tỉnh.

- Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng dịch vụ người dân, doanh nghiệp: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi số, giai đoạn 2024 - 2025[48]. Theo đó, triển khai các lớp tập huấn, đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm, giới thiệu, quảng bá về các giải pháp và ứng dụng các nền tảng số xuất sắc để hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia sàn giao dịch, đưa các sản phẩm của doanh nghiệp của tỉnh lên sàn thương mại điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng chữ ký số. Tăng cường việc tuyên truyền, vận động người dân, doanh nghiệp nhận thức được hiệu quả và lợi ích của chuyển đổi số, chủ động và tích cực tham gia sử dụng các giải pháp công nghệ, đặc biệt là các ứng dụng, các nền tảng số; đã cấp trên 76.000 chữ ký số công cộng cho tổ chức, cá nhân. Đã triển khai làm việc với Công ty Cổ phần FPT về nội dung kiến nghị liên quan việc thành lập Khu Công nghệ thông tin tập trung tại dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo – Đô thị phụ trợ, phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn.

- Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh: Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh (IOC) được duy trì với 08 dịch vụ cơ bản[49]. Ngoài ra, Trung tâm IOC cũng đã kết nối với dịch vụ giám sát tàu cá của Tổng cục Thủy sản. 06 tháng đầu năm 2024, thông qua dịch vụ giám sát, điều hành giao thông phát hiện **459** trường hợp phương tiện vi phạm hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông, gửi Công an tỉnh xử lý theo thẩm quyền *(trong đó: 264 ô tô con; 04 ô tô khách; 16 ô tô tải; 175 mô tô);* Dịch vụ giám sát thông tin trên môi trường mạng ghi nhận **34.136** bài đăng dư luận xã hội về tỉnh Bình Định; Dịch vụ phản ánh hiện trường ghi nhận **98** phản ánh do người dân gửi đến Cổng dịch vụ đô thị thông minh. Dịch vụ giám sát tàu cá cho phép theo dõi hành trình của các tàu cá Bình Định hoạt động trên lãnh hải Việt Nam, thông qua đó biết được thời gian thực để thực hiện cảnh báo khi có thông tin thời tiết xấu trên biển trong mùa mưa bão; xác định vị trí của tàu cá phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn và theo dõi cảnh báo khi tàu cá vi phạm lãnh hải của nước ngoài.

---

[48] Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 14/5/2024 của UBND tỉnh

[49] Bao gồm: Dịch vụ giám sát an toàn thông tin; dịch vụ phản ánh hiện trường; dịch vụ giám sát, điều hành giao thông; dịch vụ giám sát, an ninh trật tự đô thị; dịch vụ giám sát thông tin trên môi trường mạng; hệ thống giám sát dịch vụ công; hệ thống thông tin kinh tế - xã hội và Dashboard tổng hợp giám sát điều hành.

- Tình hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 08/3/2024 về thúc đẩy cải cách TTHC, cải thiện chất lượng dịch vụ công trực tuyến gắn với đẩy mạnh thực hiện Đề án 06 nhằm nâng cao chất lượng phục vụ hành chính cho người dân, doanh nghiệp; ban hành Quyết định[50] công bố sửa đổi, bổ sung Danh mục 100 TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần, Quyết định[51] giao 07 chỉ tiêu liên quan đến "Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công trực tuyến" trong năm 2024 cho 18 cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, 11 UBND cấp huyện *(bao gồm 07 chỉ tiêu: (i) Hồ sơ trực tuyến, (ii) Thanh toán trực tuyến, (iii) Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, (iv) Khai thác, sử dụng lại thông tin số hóa, (v) Cấp kết quả điện tử, (vi) Dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến và (vii) Thủ tục hành chính cung cấp thanh toán trực tuyến có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến).* Đồng thời, hàng tháng công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh về kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Từ ngày 15/12/2023 đến hết ngày 12/6/2024, toàn tỉnh đã tiếp nhận 228.918 hồ sơ tiếp nhận trực truyến, tăng 148.085 hồ sơ so với cùng kỳ năm trước.

(Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tại Phụ lục II kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Trên cơ sở các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến công tác cải cách hành chính do Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương giao, UBND tỉnh đã cụ thể hóa thành các công việc gắn với trách nhiệm cụ thể của các ngành, các cấp thông qua việc ban hành các Kế hoạch, Quyết định giao chỉ tiêu, văn bản chỉ đạo/giao nhiệm vụ; đồng thời, thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Cùng với đó, việc triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh cũng đã bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh trên từng lĩnh vực, trọng tâm là hoàn thiện thể chế gắn với đẩy mạnh cải cách TTHC và công tác chuyển đổi số. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tích cực, chủ động, phát huy vai trò của Người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của đơn vị với tư duy đổi mới, chủ động, sáng tạo, góp phần hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính chung của tỉnh. Qua đó giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính, góp phần hoàn thành tốt các nhiệm vụ cải cách hành chính gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

2. Một số hạn chế và khó khăn, vướng mắc

---

[50] Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 12/01/2024, Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 20/3/2024 và Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 16/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

[51] Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Hầu hết người dân chưa có chữ ký số cá nhân để ký tờ đơn, tờ khai điện tử khi nộp hồ sơ TTHC trực tuyến; hồ sơ, quy trình giải quyết của nhiều TTHC tuy đã có sự cải tiến, từng bước đơn giản hóa nhưng vẫn còn khó thực hiện, nhất là khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh còn hạn chế; chưa có nhiều chuyển biến trong việc đẩy mạnh tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

- Công tác xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu chuyên ngành để nâng hiệu quả quản lý nhà nước vẫn còn còn thiếu đồng bộ, chưa đảm bảo liên thông ở một số lĩnh vực.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG THỜI GIAN ĐẾN

1. Tiếp tục hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được đề ra trong Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp. Chỉ đạo các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh triển khai các nhiệm vụ công tác cải cách hành chính năm 2024. Ban hành "Kế hoạch cải thiện, nâng cao kết quả các Chỉ số PAR index, SIPAS, PAPI, PCI của tỉnh trong năm 2024" và chuẩn bị chu đáo các nội dung để tổ chức hội nghị triển khai, quán triệt trên phạm vi toàn tỉnh trong tháng 6 năm 2024.

2. Ưu tiên nguồn lực cho công tác xây dựng, hoàn thiện, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của người dân, doanh nghiệp.

3. Triển khai Kế hoạch thực hiện thí điểm việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Thẩm định, kiểm soát chặt chẽ việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh; tạm dừng cung cấp đối với những dịch vụ công trực tuyến không đáp ứng yêu cầu chất lượng, nhất là những dịch vụ công trực tuyến còn yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ giấy. Xây dựng Quy chế thực hiện công tác số hoá và tái sử dụng dữ liệu thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh; công cụ quản lý dữ liệu thủ tục hành chính phục vụ nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành.

4. Rà soát, sắp xếp các tổ chức bên trong các sở, ngành; sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với đổi mới và nâng cao năng lực tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công.

5. Tiếp tục thực hiện công tác tinh giản biên chế đảm bảo chỉ tiêu theo quy định của giai đoạn 2022-2026, gắn với hoàn thiện vị trí việc làm, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 – 2025.

6. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình chuyển đổi số quốc gia. Tập trung thực hiện rà soát, nghiên cứu, xây dựng, vận hành các cơ sở dữ liệu chuyên

ngành để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của đơn vị và phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh dựa trên dữ liệu.

UBND tỉnh Bình Định trân trọng báo cáo Bộ Nội vụ xem xét tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Cục Chuyển đổi số quốc gia;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bình Định;
- Ban Thường vụ Tỉnh đoàn;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- Tổ CCHC của VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KSTT

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang

Phụ lục I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / / 2024 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì
I	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH**		
1	Tổ chức tổng kết công tác cải cách hành chính, khen thưởng năm 2023 và triển khai nhiệm vụ công tác cải cách hành chính tỉnh năm 2024	Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 19/02/2024	Sở Nội vụ
1.1	Công bố kết quả đánh giá Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2023	Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 31/12/2023; Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	Sở Nội vụ
1.2	Công bố kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành, địa phương (DDCI) năm 2023	Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư
1.3	Khen thưởng trong công tác cải cách hành chính	Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 26/02/2024	Sở Nội vụ
2	Kiểm tra cải cách hành chính năm 2024	Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 04/4/2024	Sở Nội vụ
3	Truyền thông về cải cách hành chính năm 2024	Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 14/3/2014	Sở Thông tin và Truyền thông
II	**CẢI CÁCH THỂ CHẾ**		
4	Ban hành Kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 18/01/2024	Sở Tư pháp
5	Ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2024	Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	Sở Tư pháp
6	Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 25/01/2024	Sở Tư pháp
7	Công bố kết quả hệ thống hóa văn bản kỳ 2019-2023	Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 Công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023	Sở Tư pháp
8	Báo cáo kết quả thực hiện công tác hệ thống hóa văn bản kỳ 2019-2023	Báo cáo số 29/BC-UBND ngày 08/3/2024 về kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì
		của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định trong kỳ hệ thống hóa 2019 – 2023.	
III	**CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ**		
9	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh (thường xuyên và đào tạo chuyên sâu) năm 2024	Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 02/02/2024	Sở Nội vụ
10	Kế hoạch thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025	Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 08/01/2024 về thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Bình Định đến năm 2025	Sở Nội vụ
11	Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã	Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 17/5/2024 về Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Nội vụ
IV	**XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ**		
12	Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2024	Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 23/02/2024	Sở Thông tin và Truyền thông
13	Triển khai nền tảng phân tích xử lý dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh	Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 23/02/2024	Sở Thông tin và Truyền thông

Phụ lục II
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / / 2024 của UBND tỉnh Bình Định)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/6/2024)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành** *(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)*	**Văn bản**	**30**	
2.	**Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm** *(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	**%**	**43,33**	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	30	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	13	
3.	**Kiểm tra CCHC**			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	-	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	-	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	-	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	-	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	-	
4.	**Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy***(thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)*			

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/6/2024)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	3/5	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	2/5	
5.	**Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao**			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	84	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	23	Đang tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định đối với 61 nhiệm vụ trong hạn
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	**Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức**	Có = 1; Không = 0	-	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	-	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	-	
7.	**Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp**	Không = 0 Có = 1	0	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/6/2024)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
1.	**Tổng số VBQPPL[52] do địa phương ban hành**	Văn bản	**36**	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	29	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	07	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	00	
2.	**Kiểm tra, xử lý VBQPPL**			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	07	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	**Rà soát VBQPPL**			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	39	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	39	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	39	

[52]Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/6/2024)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
1.	**Thống kê TTHC**			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	09	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	86	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	79	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
1.4.1.	*Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*	*Thủ tục*	1.549	
1.4.2.	*Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*	*Thủ tục*	323	
1.4.3.	*Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*	*Thủ tục*	154	
2.	**Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	379	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	114	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	-	
3.	**Kết quả giải quyết TTHC**			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,93%	(3.1.2)/(3.1.1)
3.1.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*	*Hồ sơ*	48.263	
3.1.2.	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*	*Hồ sơ*	48.227	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,81%	(3.2.2)/(3.2.1)
3.2.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*	*Hồ sơ*	78.655	
3.2.2.	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*	*Hồ sơ*	78.503	

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/6/2024)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,86%	(3.3.2)/(3.3.1)
3.3.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*	*Hồ sơ*	116.454	
3.3.2.	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*	*Hồ sơ*	116.288	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.4.1.	*Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)*	*PAKN*	82	
3.4.2.	*Số PAKN đã giải quyết xong*	*PAKN*	78	Còn 04 PAKN đang giải quyết còn trong hạn

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/6/2024)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
1.	**Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy**			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	4	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	720	
1.5.1.	*Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh*	*Cơ quan, đơn vị*	7	
1.5.2.	*Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương*	*Cơ quan, đơn vị*	122	
1.5.3.	*Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện*	*Cơ quan, đơn vị*	591	
1.5.4.	*Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015*	*%*	17,53	
2.	**Số liệu về biên chế công chức**			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	2.187	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	2.037	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	-	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	08	Thực hiện chế độ tinh giản
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	13,63	
3.	**Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập**			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	25.938	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	23.960	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	32	Thực hiện chính sách tinh giản
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	15,77	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/6/2024)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
1.	**Vị trí việc làm của công chức, viên chức**			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	22/22	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	720/720	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	-	
2.	**Tuyển dụng công chức, viên chức**			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	-	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	7	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	1	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	522	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	-	
3.	**Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển** *(Lũy kế từ đầu năm)*	Người	-	
4.	**Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật** *(cả về Đảng và chính quyền).*		7	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	-	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	-	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	-	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	7	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/6/2024)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
1.	**Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công**	**%**	31,3%	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	13.539.254	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	4.241.551	
2.	**Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương** *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	**738**	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	8	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	38	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	202	
2.4.1.	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên*	*Đơn vị*	*10*	
2.4.2.	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên*	*Đơn vị*	*30*	
2.4.3.	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên*	*Đơn vị*	*162*	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	490	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/6/2024)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
1.	**Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất**	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	**Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến** *Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.* *Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.*	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	**Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia**	%	100	
4.	**Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).**	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	**Số liệu về trao đổi văn bản điện tử**			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	*Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh*	*%*	*100*	
5.1.2.	*Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh*	*%*	*100*	
5.1.3.	*Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.*	*%*	*100*	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương *(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).*	%	100	
5.2.1.	*Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh*	*%*	*100*	
5.2.2.	*Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện*	*%*	*100*	

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/6/2024)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.3.	*Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã*	*%*	*100*	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	*Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống*	*%*	*100*	
5.3.2.	*Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống*	*%*	*100*	
5.3.3.	*Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống*	*%*	*100*	
6.	**Cung cấp dịch vụ công trực tuyến**			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100%	(1.4.2)/(1.4.1)
6.4.1.	*Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3*	*Thủ tục*	786	
6.4.2.	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3*	*Thủ tục*	786	
6.4.3.	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến*	*Thủ tục*	189	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100%	(1.5.2)/(1.5.1)
6.5.1.	*Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4*	*Thủ tục*	1.030	
6.5.2.	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4*	*Thủ tục*	1.030	
6.5.3.	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến*	*Thủ tục*	178	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	79,07%	(1.6.2)/(1.6.1)
6.6.1.	*Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương*	*Thủ tục*	1.816	
6.6.2.	*Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia*	*Thủ tục*	1436	

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/6/2024)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 *(Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)*	%	99,00%	(1.7.2)/(1.7.1)
6.7.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)*	*Hồ sơ*	231.232	
6.7.2.	*Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến*	*Hồ sơ*	228.911	
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100%	(1.8.2)/(1.8.1)
6.8.1.	*Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)*	*Thủ tục*	558	
6.8.2.	*Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.*	*Thủ tục*	558	